

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2018/HS-PT

Ngày: 02-04-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hà

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Liệt.

Ông Nguyễn Trung Ngôn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 04 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2018/TL-PT ngày 05/02/2018 đối với Võ Thị S và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Võ Thị S, Lâm Ngọc T, Lai Thị N và Lâm Thị Thùy T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 76/2017/HSST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Võ Thị S**; giới tính: nữ; sinh năm: 1956 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: 12/1 L, khu phố 2, phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 01/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Võ Văn L (chết) và bà Trương Thị S (chết); hoàn cảnh gia đình: có chồng và 06 con, lớn sinh năm 1973, nhỏ sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/3/2016 đến ngày 26/3/2016 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. **Lâm Ngọc T (Đ)**; giới tính: nam; sinh năm: 1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: 59 đường N, khu phố H, phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 08/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lâm Văn C và bà Nguyễn Thị L (chết); hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/3/2016 đến ngày 26/3/2016 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. **Lai Thị N**; giới tính: nữ; sinh năm: 1971 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: 28/1F L, khu phố 5, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lai Văn T (chết) và bà Lê Thị M (chết); hoàn cảnh gia đình: có chồng và 02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: Ngày 26/12/2011 bị Tòa án nhân dân Quận C xử phạt 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” (đã được xóa án tích); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/3/2016 đến ngày 26/3/2016 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. **Lâm Thị Thùy T (F)**; giới tính: nữ; sinh năm: 1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: 59 đường N, khu phố H, phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lâm Văn C và bà Nguyễn Thị L (chết); hoàn cảnh gia đình: có chồng và 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 29/11/2010 bị Tòa án nhân dân Quận 2 xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” (đã được xóa án tích); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/3/2016 đến ngày 26/3/2016 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Ngoài ra, vụ án còn có 11 bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 17/3/2016, Võ Thị S chuẩn bị 04 bộ bài tây cho nhiều người đánh bài cào ăn thua bằng tiền tại nhà địa chỉ 12/1 L, khu phố H, phường C, Quận H. Tham gia đánh bài, Lâm Ngọc T đem theo 1.600.000 đồng, Trần Văn C đem theo 735.000 đồng, Nguyễn Tấn Đ đem theo 100.000 đồng, Lai Thị N đem theo 1.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc D đem theo 300.000 đồng, Lâm Thị Thùy T đem theo 600.000 đồng, Trần Thị Kim H đem theo 200.000 đồng, Nguyễn Thị N đem theo 1.000.000 đồng, Phạm Thị Ngọc T1 đem theo 700.000 đồng, Phạm Thị Ngọc T2 đem theo 300.000 đồng, Trần Văn L đem theo 200.000 đồng, Nguyễn Thị H đem theo 500.000 đồng, Lê Thị Oanh E đem theo 700.000 đồng và Phan Thị T đem theo 800.000 đồng, tất cả chia thành 6 tụ cùng chơi đến khoảng 14 giờ 35 phút cùng ngày thì bị phát hiện bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền 8.500.000 đồng, thu của Trần Văn C số tiền dùng đánh bạc 535.000 đồng, Lai Thị N 600.000 đồng, Nguyễn Ngọc D 200.000 đồng, Trần Thị Thu H 100.000 đồng, Nguyễn Thị N 800.000 đồng, Phạm Thị Ngọc T1 200.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 76/2018/HSST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân Quận 2 đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Võ Thị S phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, các bị cáo Lâm Ngọc T, Lai Thị N, Lâm Thị Thùy T phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt Võ Thị S 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ trước từ ngày 17/3/2016 đến 26/3/2016.

- Áp dụng khoản1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt Lâm Ngọc T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ trước từ ngày 17/3/2016 đến 26/3/2016.

- Áp dụng khoản1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt Lai Thị N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ trước từ ngày 17/3/2016 đến 26/3/2016.

+ Xử phạt Lâm Thị Thùy T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ trước từ ngày 17/3/2016 đến 26/3/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phạt đối với Nguyễn Ngọc D, Trần Văn C, Phạm Thị Ngọc T2, Trần Văn L, Phạm Thị Ngọc T1, Nguyễn Tấn Đ, Trần Thị Kim H, Phan Thị T, Lê thị Oanh E, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H, về án phí, xử lý về vật chứng và quyền kháng cáo.

Ngày 04/01/2018, bị cáo Lai Thị N kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 09/01/2018, các bị cáo Võ Thị S, Lâm Ngọc T và Lâm Thị Thùy T kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Thị S khai nhận do không hiểu biết pháp luật nên để các bị cáo khác chơi đánh bài tại nhà, bị cáo không chủ động thu tiền xâu mà do các bị cáo tới chơi tự đưa, khi bị bắt quả tang bị cáo chưa nhận tiền xâu. Các bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình để cho các bị cáo hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm kết luận cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Võ Thị S phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, các bị cáo Lâm Ngọc T, Lai Thị N, Lâm Thị Thùy T phạm tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội. Mức hình phạt đã tuyên là thỏa đáng, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định là hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Võ Thị S phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, các bị cáo Lâm Ngọc T, Lai Thị N và Lâm Thị Thùy T phạm tội “Đánh bạc” là xét xử đúng người, đúng tội. Xem xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà tòa cấp sơ thẩm đã áp dụng để tuyên phạt các bị cáo với mức án như trên là thỏa đáng.

Tuy nhiên, tòa phúc thẩm xem xét trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo Võ Thị S và Lâm Ngọc T đều phạm tội lần đầu, bị cáo T phạm tội thuộc trường ít nghiêm trọng, hiện đang nuôi 02 con nhỏ (sinh năm 2012 và 2017), bị cáo S hiện nay tuổi cũng đã cao, mặc dù tổ chức đánh bạc nhưng chưa thu lợi, các bị cáo Lai Thị N và Lâm Thị Thùy T mức độ tham gia đánh bạc có phần hạn chế. Các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, trình độ học vấn thấp, nhận thức và hiểu biết pháp luật có hạn chế nên xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đồng thời tạo điều kiện để các bị cáo tiếp tục chăm lo gia đình, nuôi dạy con cái do đó chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Thị S, Lâm Ngọc T, Lâm Thị Thùy T và Lai Thị N. Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo **Võ Thị S** phạm tội “**Tổ chức đánh bạc**”, các bị cáo **Lâm Ngọc T, Lai Thị N, Lâm Thị Thùy T** phạm tội “**Đánh bạc**”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt Võ Thị S 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt Lâm Ngọc T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt Lâm Thị Thùy T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo S, T và T cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường CL, Quận H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt Lai Thị N 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo N cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường A, Quận H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo).

Nơi nhận:

- | | |
|-----------------------------|-----|
| - TAND Tối Cao; | (1) |
| - TAND Cấp Cao tại Tp. HCM | (1) |
| - VKSND Tp.HCM; | (3) |
| - VKSND Quận 2; | (1) |
| - Chi cục THA Quận 2; | (1) |
| - TAND Quận 2; | (1) |
| - Công an Quận 2; | (1) |
| - Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; | (1) |
| - Bị cáo; | (4) |
| - Sở Tư pháp; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (4) |
| - Lưu, hình sự, hồ sơ. (23) | (4) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hà